

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề thi 803

- Câu 41.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là
A. Gia Lai. B. Quảng Nam. C. Nghệ An. D. Đắk Lắk.
- Câu 42.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?
A. Buôn Mê Thuột B. An Khê. C. Pleiku. D. Đà Lạt.
- Câu 43.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?
A. Vườn quốc gia. B. Thắng cảnh. C. Du lịch biển. D. Hang động.
- Câu 44.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?
A. Điện Biên Phủ. B. Đồng Hới. C. Lạng Sơn. D. Hà Nội.
- Câu 45.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có nhiều ở tỉnh nào sau đây?
A. Sóc Trăng. B. Tiền Giang. C. Cần Thơ. D. Kiên Giang.
- Câu 46.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?
A. Kon Tum. B. Lâm Viên. C. Mơ Nông. D. Di Linh.
- Câu 47.** Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là
A. lũ quét. B. hạn hán. C. bão biển. D. ngập lụt.
- Câu 48.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?
A. Quảng Ninh. B. Bắc Cạn. C. Lào Cai. D. Hà Giang.
- Câu 49.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?
A. Sông Mã. B. Sông Cả. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Ba.
- Câu 50.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?
A. Bắc Ninh. B. Hải Dương. C. Hưng Yên. D. Hà Nội.
- Câu 51.** Đông Nam Bộ có địa danh du lịch biển nổi tiếng là
A. Vũng Tàu. B. Cam Ranh. C. Mũi Né. D. Nha Trang.
- Câu 52.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?
A. 3. B. 6. C. 4B. D. 5.
- Câu 53.** Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là
A. chống ô nhiễm đất mặn. B. xây công trình đê biển.
C. mở rộng vườn quốc gia. D. nuôi dưỡng rừng ngập mặn.
- Câu 54.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là
A. Ưông Bí. B. Phả Lại. C. Na Dương. D. Ninh Bình.
- Câu 55.** Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành
A. công nghiệp chế biến. B. công nghiệp khai thác.
C. công nghiệp trọng điểm. D. công nghiệp tiêu dùng.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

- A. Mía, ngô. B. Lạc, đậu tương. C. Lạc, mía. D. Thuốc lá, ngô.

Câu 58. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 – 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2018	2019	2020
Thái Lan	401,2	506,6	544,3	501,6
Việt Nam	239,4	281,3	334,3	346,6

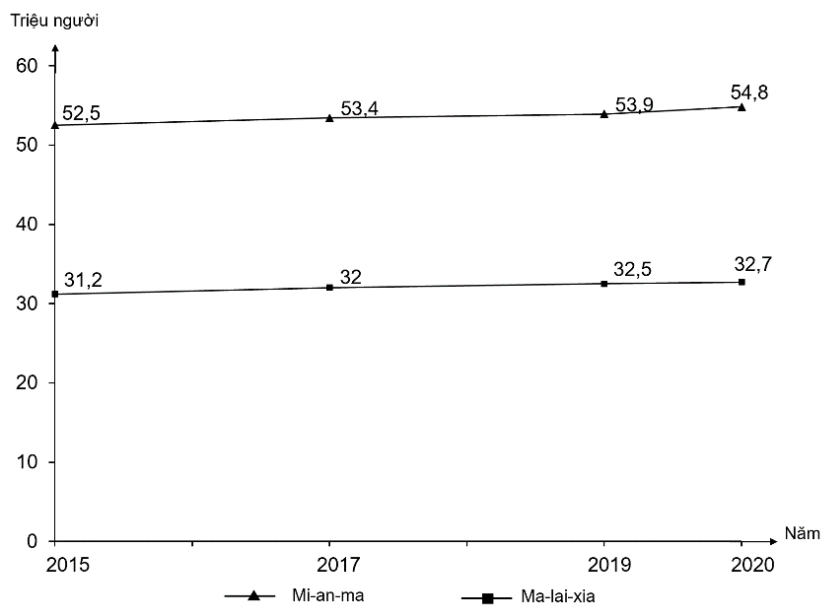
(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Thái Lan tăng và Việt Nam giảm. B. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.
C. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan. D. Việt Nam tăng và Thái Lan giảm.

Câu 59. Cho biểu đồ:

SỐ DÂN CỦA MI-AN-MA VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về gia tăng dân số của hai quốc gia trên?

- A. Mi-an-ma giảm, Ma-lai-xi-a tăng. B. Mi-an-ma tăng nhưng biến động nhẹ.
C. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a. D. Ma-lai-xi-a giảm, Mi-an-ma tăng.

Câu 60. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là

- A. luyện kim. B. điện lực. C. đóng tàu. D. khai khoáng.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

- A. Tiền Giang. B. Trà Vinh. C. Bến Tre. D. Bạc Liêu.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Hải Phòng. B. Cẩm Phả. C. Phúc Yên. D. Bắc Ninh.

Câu 63. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?

- A. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu. B. Ti trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.
C. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế. D. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển.

- Câu 64.** Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay
- A. sử dụng ít giống cho năng suất cao.
 C. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 65.** Lũnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có
- A. tổng bức xạ lớn.
 C. sông ngòi dày đặc.
- Câu 66.** Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp
- A. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng.
 C. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.
- Câu 67.** Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là
- A. dịch vụ thú y ngày càng phát triển.
 C. nguồn cung cấp thức ăn phong phú.
- Câu 68.** Đô thị hóa ở nước ta hiện nay
- A. tăng về số lượng và quy mô đô thị.
 C. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.
- Câu 69.** Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng
- A. cấm khai thác thủy sản ven bờ.
 C. chưa gắn với bảo vệ môi trường.
- Câu 70.** Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?
- A. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
 B. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.
 C. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.
 D. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.
- Câu 71.** Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là
- A. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.
 B. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.
 C. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.
 D. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lí lao động, tăng giá trị nông sản.
- Câu 72.** Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do
- A. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.
 B. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.
 C. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
 D. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.
- Câu 73.** Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.
 B. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.
 C. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.
 D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
- Câu 74.** Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là
- A. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.
 B. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.
 C. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
 D. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.
- Câu 75.** Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.
 B. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.
 C. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
 D. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.
- B. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh.
 D. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại.
 B. khoáng sản phong phú.
 D. khí hậu đa dạng.
 B. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn.
 D. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ.
 B. ứng dụng phổ biến công nghệ gen.
 D. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng.
 B. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.
 D. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa.
 B. khuyến khích đánh bắt xa bờ.
 D. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.

